

Quảng Ninh

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — **Hạng 25/34** tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

17,30 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) **4,35 điểm**.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

29 / 34

Thực hiện pháp luật — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (**-2,03**).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 16 / 34

4,66 / 10 -0,13 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 29 / 34

3,18 / 10 -2,03 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 32 / 34

4,76 / 10 -1,06 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 23 / 34

4,99 / 10 -0,98 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH

- #1 A8 — Chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất khẩu do CQQLNN địa phương cung cấp
- #3 A3 — Hình thức tiếp cận thông tin
- #14 C6 — Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh
- #15 A2 — Cơ quan cung cấp thông tin FTA

ĐIỂM YẾU

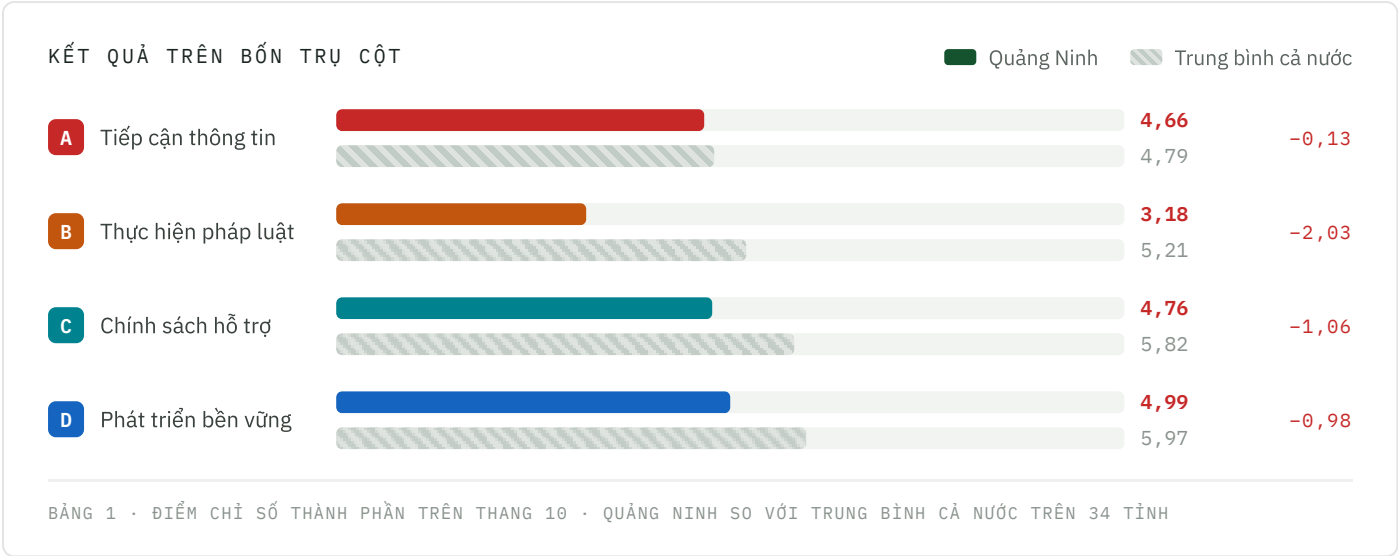
- #34 A5 — Tần suất tham gia sự kiện truyền thông về FTA
- #34 B3 — Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #34 C4 — Số nhóm cam kết được khai thác
- #33 B1 — Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

01 Tổng quan kết quả

Quảng Ninh đạt 17,30/40 điểm, thuộc nhóm “Trung bình” và xếp **hạng 25/34** tỉnh, thành phố. Đây là kết quả tương đối khiêm tốn đối với một địa phương có tiềm lực kinh tế mạnh, mức độ công nghiệp hóa cao và nhiều lợi thế về khai thác khoáng sản, cảng biển nước sâu, thương mại biên giới và du lịch. Cả bốn trụ cột đều thấp hơn mức trung bình cả nước, trong đó thực thi pháp luật ghi nhận khoảng cách lớn nhất, ở mức **-2,03** điểm. Kết quả cho thấy sự lệch pha rõ rệt giữa năng lực cung cấp thông tin và hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp. Quảng Ninh dẫn đầu cả nước về chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu, nhưng mức độ tham gia sự kiện truyền thông lại xếp cuối bảng; hệ thống hướng dẫn

pháp lý còn yếu và mức độ tận dụng FTA của doanh nghiệp vẫn rất hạn chế. Tiềm lực kinh tế và nền tảng thương mại của tỉnh chưa được chuyển hóa thành năng lực thực thi FTA tương xứng.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1

Tiếp cận thông tin

4,66/10

HẠNG 16 / 34 · -0,13

TỔNG QUAN

Kết quả của trụ cột thông tin có sự phân hóa đặc biệt rõ. Chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) và xếp hạng 3 về sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin (A3). Tuy nhiên, tần suất tham gia sự kiện truyền thông (A5) xếp hạng 34, còn nguồn thông tin về sự kiện (A6) và chất lượng thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương (A9) cùng xếp hạng 33. Tỉnh đã có năng lực cung cấp thông tin chất lượng tốt nhưng chưa chuyển hóa hiệu quả nguồn thông tin này thành sự tiếp cận và tham gia thường xuyên của doanh nghiệp.

ĐỘ BAO PHỦ KÊNH & MỨC ĐỘ THAM GIA

Báo chí và truyền hình tiếp cận 89,8% doanh nghiệp, còn trang thông tin điện tử đạt 61,4%. Tuy nhiên, các kênh tương tác trực tiếp có độ bao phủ rất thấp: hội nghị chỉ tiếp cận 15,7% và tập huấn đạt 12,7%. Chỉ khoảng 1/5 doanh nghiệp cho rằng thông tin từ cơ quan trung ương hoặc địa phương đáp ứng phần lớn hay đầy đủ nhu cầu, lần lượt ở mức 19,4% và 20,6%. Tỷ lệ đánh giá tích cực trong nhóm doanh nghiệp tư nhân chỉ đạt 10,7%. Chưa đến một nửa số doanh nghiệp tham gia sự kiện đánh giá tốt ở cả 3 phương diện - mức độ cụ thể, tin cậy, kịp thời của thông tin, cho thấy hạn chế không chỉ nằm ở độ bao phủ mà còn ở tính thiết thực của nội dung.

Quảng Ninh

4,66

Trung bình cả nước

4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#1 Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu

#3 Hình thức tiếp cận thông tin

#15 Cơ quan cung cấp thông tin FTA

#33 Nguồn thông tin về sự kiện truyền thông

#33 Thông tin FTA trên cổng điện tử

#34 Tần suất tham gia sự kiện truyền thông

B

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2

Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

3,18/10

HẠNG 29 / 34 · -2,03

TỔNG QUAN

Đây là khoảng trống thể chế cần cải thiện nhất của Quảng Ninh. Chất lượng hướng dẫn VBPL (B3) và mức độ phức tạp khi tuân thủ VBPL (B4) cùng xếp **hạng 34**, trong khi mức độ nắm rõ các VBPL của doanh nghiệp (B1) xếp **hạng 33**. Khả năng cơ quan nhà nước ghi nhận, tiếp thu ý kiến doanh nghiệp (B7) xếp **hạng 29**, còn tần suất hướng dẫn VBPL thực thi cam kết FTA (B2) và mức độ tham gia tập huấn (B5) cùng xếp **hạng 26**. Doanh nghiệp đồng thời phải đối mặt với kiến thức pháp lý hạn chế, hướng dẫn thiếu thường xuyên và gánh nặng tuân thủ cao.

TẦN SUẤT HƯỚNG DẪN & MỨC ĐỘ NẮM BẮT

Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên nhận được hướng dẫn chỉ dao động từ 10% đến 14% trong các lĩnh vực chủ yếu. Doanh nghiệp FDI được hướng dẫn thường xuyên hơn doanh nghiệp tư nhân, nhưng tỷ lệ cao nhất cũng chỉ đạt 41,5%. Chất lượng hướng dẫn về thuế, hải quan và đầu tư được đánh giá tích cực nhất nhưng chỉ đạt 30,3%; tất cả các lĩnh vực còn lại đều dưới 20%. Đồng thời, khoảng 84–86% doanh nghiệp đánh giá các VBPL chủ yếu là phức tạp, trong đó tỷ lệ ở nhiều nhóm doanh nghiệp nhỏ, vừa và tư nhân đạt gần hoặc trên 90%. Ngay cả doanh nghiệp lớn và FDI cũng gặp khó khăn đáng kể với các yêu cầu về lao động và môi trường.

Quảng Ninh 3,18

Trung bình cả nước 5,21

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#26 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết

#29 Phản hồi, góp ý VBPL

#33 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA

#34 Chất lượng hướng dẫn VBPL

#34 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA

C CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

4,76 /10

HẠNG 32 / 34 · -1,06

TỔNG QUAN

Khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (C6) xếp **hạng 14**, cho thấy hạ tầng chính sách cơ bản đã được hình thành. Tuy nhiên, mức độ tận dụng FTA trên thực tế vẫn rất thấp: số nhóm cam kết được khai thác (C4) xếp **hạng 34**, mức độ rào cản (C5) và tần suất xúc tiến thương mại (C9.1) cùng xếp **hạng 32**, còn mức độ tận dụng FTA do doanh nghiệp tự đánh giá (C1) xếp **hạng 31**. Việc doanh nghiệp biết đến hoặc tiếp cận được chính sách chưa đủ để tạo ra kết quả nếu chương trình thiếu chiều sâu, tính chuyên biệt và hiệu quả triển khai.

CƠ CẤU TẬN DỤNG & RÀO CẢN

Hoạt động tận dụng FTA gần như tập trung hoàn toàn vào ưu đãi thuế quan (89,2%), trong khi quy tắc xuất xứ chỉ đạt 31,9% và tất cả các cam kết còn lại đều dưới 20%. Thiếu thông tin thị trường (53%) và hạn chế về vốn (41,6%) là hai trở ngại lớn nhất khiến doanh nghiệp không tận dụng FTA. Doanh nghiệp tư nhân phản hồi khoảng trống nghiêm trọng hơn về thông tin và tài chính, trong khi doanh nghiệp FDI cho biết gặp nhiều khó khăn với tiếp cận đối tác, hiểu biết cam kết và thủ tục hành chính. Chỉ khoảng 10–19% doanh nghiệp đánh giá các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh là hiệu quả, cho thấy khoảng cách lớn giữa khả năng tiếp cận chính sách và chất lượng hỗ trợ thực tế.

Quảng Ninh 4,76

Trung bình cả nước 5,82

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#14 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

#31 Mức độ tận dụng FTA

#32 Rào cản khi tận dụng FTA

#32 Tần suất xúc tiến thương mại

#34 Số nhóm cam kết được khai thác

D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4 Cam kết phát triển bền vững

4,99 /10

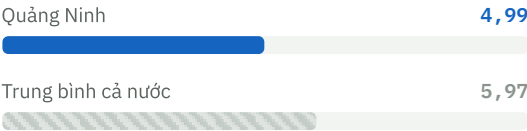
HẠNG 23 / 34 · -0,98

TỔNG QUAN

Quảng Ninh vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể về hiểu biết và mức độ sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững (PTBV). Nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ tại thị trường nhập khẩu (D5, **hạng 21**) và nhận thức về tác động quy định PTBV đối với hoạt động kinh doanh (D2, **hạng 23**) có kết quả tương đối khả quan hơn. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết về các cam kết PTBV (D1) xếp **hạng 32**, mức độ sẵn sàng đáp ứng (D3) xếp **hạng 27** và hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) xếp **hạng 24**. Doanh nghiệp đã bước đầu nhận diện vấn đề nhưng còn thiếu kiến thức chuyên môn, kế hoạch thực hiện và hỗ trợ cần thiết.

HIỂU BIẾT & MỨC ĐỘ CHUẨN BỊ

Chỉ khoảng 11–19% doanh nghiệp hiểu ít nhất một phần về từng lĩnh vực phát triển bền vững; tỷ lệ này ở doanh nghiệp nhỏ đều dưới 6%. Mức độ chuẩn bị cũng chỉ đạt 11–19%, dù doanh nghiệp lớn và FDI có kết quả khả quan hơn. Chỉ khoảng 18–23% doanh nghiệp đánh giá hỗ trợ của địa phương là hiệu quả; tỷ lệ ở doanh nghiệp tư nhân đánh giá tích cực chỉ đạt khoảng 12–14%, trong khi hơn 20% doanh nghiệp nhỏ cho biết chưa nhận được hỗ trợ ở một số lĩnh vực chuyên biệt.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #21 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ
- #23 Nhận thức tác động của các cam kết PTBV
- #25 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN địa phương
- #27 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV
- #32 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu dẫn đầu cả nước, tạo nền tảng dữ liệu và thông tin thị trường vững chắc.
- Sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin xếp **hạng 3** và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ xếp **hạng 14**, cho thấy hạ tầng thông tin và chính sách cơ bản đã được thiết lập.
- Doanh nghiệp đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các yêu cầu PTBV (D5, **hạng 21**), tạo điểm khởi đầu để nâng cao mức độ sẵn sàng.

ĐIỂM YẾU CẦN CẢI THIỆN

- Thực thi pháp luật còn nhiều bất cập, khi chất lượng hướng dẫn và mức độ phức tạp khi tuân thủ cùng xếp cuối cả nước.
- Mức độ tham gia của doanh nghiệp gần như không đáng kể, với tần suất tham gia sự kiện truyền thông xếp **hạng 34**, dù tỉnh có thông tin dự báo tốt nhất cả nước.
- Phạm vi tận dụng các cam kết FTA hẹp nhất cả nước, khi số nhóm cam kết được khai thác xếp **hạng 34** và hoạt động sử dụng chủ yếu tập trung vào ưu đãi thuế quan.

1 **Củng cố hỗ trợ pháp lý**

Triển khai chương trình hướng dẫn FTA thường xuyên và gắn với tình huống thực tế; đơn giản hóa tài liệu và xây dựng công cụ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy định.

Trụ cột B · 29 → cải thiện thứ hạng

2 **Kích hoạt sự tham gia của doanh nghiệp**

Kết nối thế mạnh về thông tin dự báo với các sự kiện truyền thông thiết thực hơn; nâng cao mức độ nhận diện của cổng điện tử và chủ động cung cấp thông tin qua email, Zalo và hiệp hội doanh nghiệp.

A5/A9 · 33-34 → cải thiện thứ hạng

3 **Nâng cao chiều sâu tận dụng FTA**

Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về quy tắc xuất xứ, chứng nhận C/O, tiêu chuẩn kỹ thuật và tối ưu hóa ưu đãi trong khuôn khổ RCEP, ASEAN-Trung Quốc và các FTA liên quan.

C4/C5/C9.1 · 32-34 → cải thiện thứ hạng

4 **Xây dựng đầu mối hỗ trợ FTA cấp tỉnh**

Thiết lập cơ chế điều phối thống nhất, tích hợp thông tin thị trường, hướng dẫn pháp lý, xúc tiến thương mại và hỗ trợ phát triển bền vững.

Mục tiêu: đầu mối hỗ trợ FTA



MỤC TIÊU

Nâng Quảng Ninh từ nhóm “Trung bình” lên nhóm “Khá”, xây dựng năng lực thực thi FTA tương xứng với vị thế và tiềm lực kinh tế của tỉnh